

Số: 349 /BC-UBND

Cà Mau, ngày 19 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị, địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh chưa phân bổ chi tiết năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị, địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2026 chưa phân bổ chi tiết trong dự toán giao đầu năm, như sau:

I. NGUỒN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN TRONG DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT

1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề

a) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026, dự toán là 55.591 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tại Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 (*chi tiết theo Phụ lục số 01*).

b) Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đặc thù của giáo viên theo quy định mới và các nhiệm vụ phát sinh khác lĩnh vực giáo dục năm 2026 (*bao gồm nâng lương thường xuyên của giáo viên; kinh phí sửa chữa trường lớp; xây mới, sửa chữa nhà vệ sinh các trường phổ thông công lập;...*), dự toán là 180.303 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 18.030 triệu đồng, số dự toán còn lại là 162.273 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các đơn vị, địa phương tại Quyết định số 1203/QĐ-UBND, Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 06/4/2026; Công văn số 6810/UBND-KTTH ngày 11/5/2026; Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 30/10/2026, với số tiền là 65.039 triệu đồng; số kinh phí còn lại chưa phân bổ là 97.234 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu phân khai cho các đơn vị, địa phương sử dụng khi đảm bảo đủ điều kiện và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*chi tiết theo Phụ lục số 02*).

c) Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, dự toán là 226.752 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 02422/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 03*).

2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*phân bổ cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân xã, phường khi có chủ trương của cấp thẩm quyền*) năm 2026, dự toán là 268.192 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 02479/QĐ-UBND ngày 31/12/2025, Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 19/3/2026, Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 16/4/2026, Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 và Công văn số 6810/UBND-KTTH ngày 11/5/2026, với số tiền là 190.988 triệu đồng; số kinh phí còn lại chưa phân bổ là 77.204 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu phân khai cho các đơn vị, địa phương sử dụng khi đảm bảo đủ điều kiện và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*chi tiết theo Phụ lục số 04*).

3. Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình

Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội sự nghiệp y tế (*NSDP đảm bảo*) năm 2026, dự toán là 67.329 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 02440/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 05*).

4. Sự nghiệp văn hóa thông tin

Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, dự toán là 2.572 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 02422/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 06*).

5. Sự nghiệp bảo vệ môi trường

Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ môi trường, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho các xã, phường năm 2026, dự toán là 100.000 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 10.000 triệu đồng, số dự toán còn lại là 90.000 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai kinh phí cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 10/02/2026, Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 (*chi tiết theo Phụ lục số 07*).

6. Chi đảm bảo xã hội

a) Kinh phí Tết Nguyên đán năm 2026, dự toán là 40.000 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tại Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 05/02/2026, Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 và Công văn số 1812/UBND-KGVX ngày 05/02/2026 (*chi tiết theo Phụ lục số 08*).

b) Kinh phí thực hiện các chính sách đảm bảo xã hội (*NSDP đảm bảo*) năm 2026, dự toán là 30.391 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 02440/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 09*).

c) Kinh phí mừng thọ người cao tuổi (*phân bổ cho các xã, phường*) năm 2026, dự toán là 12.800 triệu đồng, chưa phân khai, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu phân khai cho các địa phương sử dụng khi đảm bảo đủ điều kiện và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

7. Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể

a) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ năm 2026 cho các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, dự toán là 500 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2026 tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 17/4/2026, với số tiền là 628 triệu đồng, tăng thêm so với dự toán giao đầu năm là 128 triệu đồng (*chi tiết theo Phụ lục số 10*).

b) Kinh phí khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, dự toán là 42.247 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 02422/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 11*).

c) Kinh phí nghiên cứu chiến lược chính sách xây dựng pháp luật và tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2026, dự toán là 2.862 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các đơn vị thực hiện tại Quyết định số 02471/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 12*).

d) Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, dự toán là 116.956 triệu đồng, trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 11.695 triệu đồng, số dự toán còn lại là 105.261 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 13/02/2026, với số tiền là 91.121 triệu đồng và Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 03/3/2026, với số tiền là 14.140 triệu đồng.

8. Chi các hoạt động sự nghiệp kinh tế

a) Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2026, dự toán là 6.000 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 600 triệu đồng, số dự toán còn lại là 5.400 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tại Quyết định số 02482/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 13*).

b) Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản năm 2026, dự toán là 59.000 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 5.900 triệu đồng, số dự toán còn lại là 53.100 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tại Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 (*chi tiết theo Phụ lục số 14*).

c) Kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch năm 2026, dự toán là 20.468 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 2.047 triệu đồng, số dự toán còn lại là 18.421 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện tại Quyết định số 02476/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 15*).

d) Kinh phí Trung ương hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2026, dự toán là 137.655 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 02487/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 16*).

đ) Kinh phí Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026, dự toán là 324.689 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 02498/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 17*).

e) Kinh phí duy tu, sửa chữa các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh năm 2026, dự toán là 400.000 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 40.000 triệu đồng, số dự toán còn lại là 360.000 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 02479/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 (*chi tiết theo Phụ lục số 18*).

g) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch chung xã, phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2026, dự toán là 100.000 triệu đồng; trong đó, tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền 10.000 triệu đồng, số dự toán còn lại là 90.000 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các địa phương thực hiện tại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 15/01/2026, với số tiền là 10.600 triệu đồng; số kinh phí còn lại chưa phân bổ với số tiền 79.400 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu phân khai cho các địa phương sử dụng khi đảm bảo đủ điều kiện và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*chi tiết theo Phụ lục số 19*).

9. Kinh phí tiết kiệm

Kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên năm 2026 theo Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, với dự toán được giao là 38.219 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu phân khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng khi đảm bảo đủ điều kiện và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

10. Chi khác ngân sách

Dự toán chi khác ngân sách cấp tỉnh năm 2026 được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị là 596.893 triệu đồng, bao gồm: nguồn cải cách tiền lương là 551.504 triệu đồng (*50% kinh phí tiết kiệm chi NSNN do thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, với số tiền là 195.000 triệu đồng; 50% tăng thu dự toán năm 2026 so với dự toán năm 2025, với số tiền là 348.856 triệu đồng; tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, số tiền là 7.648 triệu đồng*), dự toán chưa phân bổ là 45.389 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là 39.472 triệu đồng; số dự toán còn lại 5.917 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính tiếp tục theo dõi, tham mưu quản lý trình cấp thẩm quyền phân bổ sử dụng và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*chi tiết theo Phụ lục số 20*).

11. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2026 được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị là 278.332 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là 219.161 triệu đồng, bằng 78,74% so dự toán đầu năm; số dự toán còn lại 59.171 triệu đồng. Ngoài ra, trong quá trình điều hành ngân sách có bổ sung tăng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh 392.069 triệu đồng từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chỉ còn lại năm 2025 tại Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ số tăng thu so với dự toán, dự toán chỉ còn lại ngân sách tỉnh năm 2025. Tổng số dự toán còn lại 451.240 triệu đồng.

UBND tỉnh giao Sở Tài chính tiếp tục theo dõi, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ sử dụng và thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*chi tiết theo Phụ lục số 21*).

II. NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

*** Kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**

Kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương năm 2026 là 3.272.853 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai kinh phí cho các sở, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 02472/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 02487/QĐ-UBND ngày 31/12/2025, bao gồm: kinh phí thực hiện hoạt động của chi cục quản lý thị trường tỉnh 25.616 triệu đồng; kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công cách mạng 967.449 triệu đồng; kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm 69.746 triệu đồng; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội là 1.974.242 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2.000 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông 24.786 triệu đồng; Phí sử dụng đường bộ 140.658 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 68.356 triệu đồng (*theo Phụ lục số 22 và chi tiết từ Phụ lục số 22.1 đến 22.8*).

Ngoài ra trong quá trình điều hành ngân sách phát sinh tăng dự toán chi ngân sách địa phương từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu kinh phí tổ chức thực hiện công tác bầu cử, với số tiền là 46.329 triệu đồng, tại Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 07/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho các đơn vị, địa phương thực hiện tại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 về việc phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*phần kinh phí còn lại*) cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

* Trong 6 tháng đầu năm 2026 ngân sách địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách tỉnh Ninh Bình để thực hiện đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường Tiểu học 5 Sông Đốc, xã Sông Đốc, với số tiền là 20.000 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai cho Ủy ban nhân dân xã Sông Đốc để thực hiện tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/02/2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định (*gửi kèm theo các Phụ lục có liên quan*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, DT (BC10), M.A184/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi